

Số: *1619*/BTNMT-KHTC

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2019 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2018 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2017 VÀ NĂM 2018

1. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở địa phương năm 2017 và năm 2018

- Đánh giá thực trạng công tác quản lý môi trường gồm các nội dung: việc thi hành và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; lồng ghép bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển của địa phương; xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; thông tin, truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường, phối hợp trong công tác quản lý môi trường giữa các cấp, các ngành, tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường.

- Đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường của địa phương theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường; đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; đánh giá các chỉ tiêu môi trường trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đánh giá tình hình triển khai Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý

triệt để, khắc phục ô nhiễm giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích và Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2017 và năm 2018

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu môi trường ở địa phương nêu tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; thống kê các chỉ tiêu môi trường.

- Tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2017 và năm 2018: Nêu cụ thể danh mục các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và kinh phí đã bố trí để thực hiện; kết quả sản phẩm của các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường đã triển khai thực hiện; hiệu quả đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; số kinh phí đã giải ngân tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 (theo mẫu gửi kèm tại Phụ lục 1).

- Dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2018.

- Riêng đối với các dự án xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích được hỗ trợ theo Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích và Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 (nếu có), đề nghị báo cáo tình hình thực hiện, kết quả sản phẩm, tình hình duy trì vận hành sau đầu tư đối với các dự án đã được hỗ trợ giai đoạn 2013 – 2018.

- Phân tích, đánh giá các mặt thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

3. Kiến nghị và đề xuất

Qua việc thực hiện kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2017 và năm 2018; trên cơ sở đánh giá, phân tích ở phần 1 và phần 2 nêu trên, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các kiến nghị, đề xuất khác.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

1. Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2019

Tập trung nguồn lực triển khai, thực hiện Luật Bảo vệ môi trường; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ

bảo vệ môi trường theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ chính sau:

1.1. Hỗ trợ xử lý các điểm gây ô nhiễm môi trường bức xúc ở địa phương

- Tập trung hỗ trợ xử lý, làm sạch nguồn nước, đặc biệt ở các lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy, sông Đòan Nai và các sông, hồ, ao, kênh, mương.

- Hỗ trợ xử lý ô nhiễm không khí do hoạt động công nghiệp, xây dựng, giao thông ở khu công nghiệp, đô thị, đặc biệt là ô nhiễm do bụi ở các khu vực nội thị, khu tập trung dân cư.

- Hỗ trợ xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại ở các đô thị, khu công nghiệp.

- Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường các làng nghề, điểm phát sinh dịch bệnh; khắc phục một số điểm nóng về môi trường do tồn dư của thuốc bảo vệ thực vật và chất độc da cam/đioxin.

- Hỗ trợ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đặc biệt là các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương nằm trong Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

1.2. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp.

- Xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường, cơ chế thực hiện, mô hình quản lý bảo vệ môi trường ở địa phương.

- Ban hành danh mục đối với các ngành, lĩnh vực sản xuất tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để hạn chế đầu tư tại địa phương.

- Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc môi trường địa phương; xây dựng báo cáo chuyên đề về môi trường và tổng hợp số liệu về môi trường hàng năm. Triển khai xây dựng hệ thống quan trắc môi trường biên 4 tỉnh Miền Trung (đối với các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế).

- Kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học dùng trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng gây nguy hại cho môi trường.

- Xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm cả thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

1.3. Quản lý chất thải

- Triển khai thực hiện Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Điều tra, thống kê chất thải, đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

- Điều tra, đánh giá, khoanh vùng và có kế hoạch xử lý các khu vực ô nhiễm tồn lưu trên địa bàn

- Tập trung hỗ trợ hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, chôn lấp chất thải thông thường và chất thải nguy hại ở nông thôn; triển khai một số mô hình điểm về xử lý chất thải nông thôn, làng nghề của địa phương; vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh; hỗ trợ các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải.

- Tái chế, tái sử dụng chất thải, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

1.4. Bảo tồn đa dạng sinh học

- Nâng cao năng lực quản lý và thực thi Luật đa dạng sinh học đến các cấp, các ngành trên địa bàn.

- Thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Phòng ngừa, ngăn chặn sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Điều tra, khảo sát, đánh giá và bảo tồn các giống loài động vật, thực vật, vi sinh vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng trong danh mục cần bảo vệ theo thẩm quyền của địa phương.

- Bảo vệ các vùng đất ngập nước, rừng ngập mặn, cửa sông và khu ven biển, các hệ sinh thái thủy sinh; phát triển và mở rộng các khu bảo tồn thiên nhiên.

1.5. Tăng cường năng lực quản lý môi trường

- Tăng cường năng lực tổ chức cơ quan chuyên môn và cán bộ bảo vệ môi trường các cấp.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường như đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, đưa vào hoạt động và thống nhất quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường, về đa dạng sinh học và an toàn sinh học.

- Thống kê môi trường, xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp.

- Xây dựng và triển khai các mô hình bảo vệ môi trường, mô hình tự quản tiên tiến ở địa phương.

- Bảo đảm hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của địa phương.

- Hỗ trợ thực hiện các dự án, nhiệm vụ hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường ở địa phương.

1.6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.7. Triển khai, thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ

Để triển khai, thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường, đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Tiến hành rà soát toàn bộ các tác động đối với môi trường, các yêu cầu về công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, các quy chuẩn áp dụng, chương trình giám sát môi trường của các dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó tập trung rà soát các dự án đầu tư lớn, có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; kiến nghị điều chỉnh nếu cần thiết. Trên cơ sở đó xác định các dự án cần ưu tiên quản lý, giám sát, kiểm tra chặt chẽ trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- Tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh sách, giám sát các lĩnh vực công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các loại hình, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, địa bàn nhạy cảm có khả năng xảy ra sự cố môi trường để phân loại theo các mức độ gây ô nhiễm, rủi ro đối với môi trường. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát phù hợp đối với từng nhóm đối tượng được phân chia theo danh mục mức độ ô nhiễm.

- Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát đặc biệt đối với các dự án, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ lớn, tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trên diện rộng thông qua các Tổ công tác liên ngành, chương trình kiểm tra định kỳ, chế độ giám sát đặc biệt như quan trắc online tự động liên tục và kết nối số liệu trực tuyến với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở Trung ương cũng như địa phương, xây dựng hồ chỉ thị sinh học để kiểm chứng chất lượng nước thải sau xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Rà soát quy hoạch, nhu cầu xử lý, chôn lấp, năng lực đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó tập trung hướng dẫn địa phương rà soát, xây dựng quy hoạch quản lý chất thải rắn trên cơ sở đánh giá, dự báo nhu

cầu xử lý, chôn lấp chất thải, khả năng đáp ứng của các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải trong và ngoài địa bàn. Bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và có kế hoạch cụ thể xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, đóng cửa các cơ sở xử lý, bãi chôn lấp chất thải không đạt yêu cầu. Phối hợp với các địa phương điều phối, liên kết giữa các cơ sở, các bãi chôn lấp trên địa bàn tỉnh, trong vùng hoặc trên cả nước để xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại tồn đọng.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường là một bộ phận và được tổng hợp chung trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2019 của các địa phương.

- Các dự án, nhiệm vụ đưa vào kế hoạch sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và theo các biểu mẫu hướng dẫn ở các phụ lục kèm theo (báo cáo bằng phong chữ Time New Roman, Phụ lục trên Excel).

- Sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả; tuân thủ các thủ tục, quy định tại Thông tư số 02/2017/BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

- Đối với các dự án xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng được hỗ trợ theo Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 đề nghị gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định và định kỳ báo cáo hàng năm gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình bố trí kinh phí và kết quả thực hiện các dự án được hỗ trợ.

3. Tiến độ xây dựng kế hoạch

- Trước ngày 05 tháng 7 năm 2018: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2019 theo mẫu bảng tổng hợp tại phụ lục kèm theo gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường với số lượng 03 bản. Đồng thời gửi file điện tử công văn và các phụ lục đính kèm vào 02 địa chỉ email: vukhtc@monre.gov.vn và vukhtc@vea.gov.vn.

- Từ ngày 05 tháng 7 năm 2018: Bộ Tài nguyên và Môi trường xử lý, tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường chung của cả nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính để tổng hợp.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính phối hợp, hướng dẫn các Sở, ban, ngành có liên quan và các huyện, thị xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2019 theo tiến độ nêu trên, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ môi trường của cả nước.

Mọi vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị liên hệ về Bộ Tài nguyên và Môi trường để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- TT Võ Tuấn Nhân;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (để phối hợp);
- Ủy ban KHCCN&MT của Quốc hội;
- TCMT;
- Lưu: VT, KHTC (PH80b).

H

Ch

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quý Kiên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

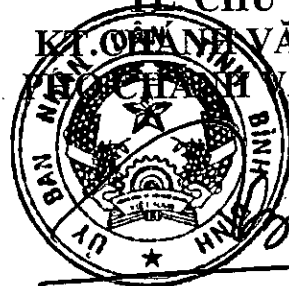
Số: **394/SY-UBND**

Bình Định, ngày 19 tháng 4 năm 2018

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LĐVP, K4, K17;
- Lưu: VT (09b).

**TL CHỦ TỊCH
KT. VĂN PHÒNG
PHỤ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi

Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Phụ lục 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2018 của)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%				
2	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở nông thôn	%				
3	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở đô thị	%				
4	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%				
5	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%				
6	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%				
7	Tỷ lệ chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý	%				
8	Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định	%				
9	Kinh phí chi sự nghiệp môi trường	Triệu đồng				

